

Số: 191 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2024

## KẾT LUẬN THANH TRA

**Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH Trái cây Đình Phong**

Thực hiện Quyết định số 290/QĐ-TTr ngày 17/7/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây viết tắt là LĐTĐBXH) về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN), ngày 06/8/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh tại Công ty TNHH Trái cây Đình Phong; thời kỳ thanh tra: từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 16/8/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ LĐTĐBXH kết luận như sau:

### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Trái cây Đình Phong (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Trụ sở chính của doanh nghiệp: làng A, xã Gào, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Số điện thoại liên hệ: 0906.760.888.
- Loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315522708 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký lần đầu ngày 22/02/2019, thay đổi lần thứ 03 ngày 16/3/2023.
- Số chi nhánh trực thuộc: không.
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ yếu: gia công sản phẩm nông nghiệp.
- Tài khoản số 0171003483471 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai.

### II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

#### 1. Công tác quản lý, sử dụng lao động

1.1. Công tác quản lý, sử dụng người lao động Việt Nam (tại thời điểm ngày 31/7/2024)

- Tổng số người làm việc: 59 người.
- Số lao động thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động (sau đây viết tắt là HĐLĐ): 59 người, trong đó:
  - + HĐLĐ xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

- + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.
- + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 59 người.
- + HĐLĐ không xác định thời hạn: 0 người.
- Hợp đồng học nghề, tập nghề: 0 người.
- Số người thuộc diện giao kết HĐLĐ nhưng chưa giao kết: 0 người.
- Số người không thuộc diện giao kết HĐLĐ: 0 người.
- Kiểm tra toàn bộ HĐLĐ đã giao kết với người lao động, mục công việc phải làm ghi chưa cụ thể “thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của ban giám đốc”.

### *1.2. Công tác quản lý, sử dụng người lao động nước ngoài (sau đây viết tắt là NLĐNN)*

1.2.1. Việc giải trình về nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng lao động; chấp thuận/không chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động

- Số NLĐNN theo văn bản giải trình về nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN của doanh nghiệp: 02 người.

- Số NLĐNN được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận sử dụng NLĐNN của doanh nghiệp: 02 người.

1.2.2. Tổng số NLĐNN doanh nghiệp sử dụng tại thời điểm thanh tra: 0 người

- Số NLĐNN đã được cấp giấy phép lao động trong thời kỳ thanh tra: 02 người.

- Số NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 0 người.

- Số NLĐNN chưa được cấp phép lao động: 0 người.

- Việc thu hồi và nộp lại giấy phép lao động hết hiệu lực cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền: 02 NLĐNN đã hết hạn giấy phép lao động từ tháng 01/2024 nhưng chưa nộp lại cho người sử dụng lao động (ông Zheng Feng và bà Huang Danna đã về nước).

1.2.3. Về giao kết HĐLĐ với NLĐNN

- Số NLĐNN thuộc diện giao kết HĐLĐ: 0 người, trong đó:

- + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.

- + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 01 năm: 0 người.

- + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 năm trở lên: 0 người.

- Số NLĐNN thuộc diện giao kết HĐLĐ nhưng chưa giao kết: 0 người.

- Số NLĐNN không thuộc diện giao kết HĐLĐ: 0 người.

### *1.3. Việc quản lý, báo cáo tình hình sử dụng lao động*

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

- Đã báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương theo quy định.

## **2. Việc chấp hành pháp luật lao động về tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN**

## 2.1. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN

2.1.1. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN đối với người lao động Việt Nam

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 59 người.
- Số lao động đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 59 người.
- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN nhưng chưa tham gia: 0 người.
- Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN: 0 người.

2.1.2. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT cho NLĐNN (tại thời điểm thanh tra)

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT: 0 người.
- Số lao động đã tham gia BHXH, BHYT: 0 người.
- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT nhưng chưa tham gia: 0 người.
- Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT: 0 người.

## 2.2. Tiền lương và việc trích, nộp vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT

2.2.1. Tiền lương:

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 3.860.000 đồng.
- Các loại phụ cấp lương đang áp dụng: không.
- Các khoản bổ sung khác được trả hằng tháng vào lương cho người lao động: không.
- Các khoản hỗ trợ: tiền xăng xe, nhà ở, cơm.
- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: trả lương theo thời gian (theo tháng) và lương khoán.
- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Việc trả cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động không thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT cho người lao động: không phát sinh.

2.2.2. Việc trích, nộp vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT từ tiền lương của người lao động

- Việc trích tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT:
  - + Các khoản trích đóng vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT: tiền lương ghi trong HĐLĐ.
  - + Các khoản không đóng BHXH, BHTN, BHYT: tiền xăng xe, nhà ở, cơm.
- Việc nộp BHXH, BHTN, BHYT từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/7/2024:
  - + Số tiền phải đóng: 507.673.147 đồng.
  - + Số tiền đã đóng: 507.673.147 đồng.

- + Số tiền chậm đóng tại thời điểm thanh tra: 0 đồng.
- Số tiền bị xử phạt vi phạm hành chính do chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT: 0 đồng.
- Đã niêm yết công khai định kỳ 06 tháng thông tin về việc đóng BHXH của người lao động.

### 2.3. Việc giải quyết các chế độ BHXH đối với người lao động

- Doanh nghiệp đã lập hồ sơ đề nghị và được cơ quan BHXH giải quyết chế độ thai sản đối với 01 người, với tổng số tiền: 25.620.000 đồng.
- Số lao động đã được doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị nhưng không được cơ quan BHXH giải quyết các chế độ BHXH: 0 người
- Số tiền hưởng các chế độ BHXH của người lao động đã được cơ quan BHXH giải quyết nhưng doanh nghiệp chưa chi trả: 0 đồng.

## III. KẾT LUẬN

### 1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.
- 1.2. Đã giải trình về nhu cầu sử dụng NLĐNN và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.
- 1.3. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử; báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN.
- 1.4. Đã báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương theo quy định.
- 1.5. Đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN cho toàn bộ số lao động thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLĐ-BNN về cơ quan BHXH.
- 1.6. Đã áp dụng mức lương tối thiểu vùng đúng quy định; đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- 1.7. Đã lập hồ sơ và được cơ quan BHXH giải quyết chế độ BHXH cho người lao động.

### 2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung của hợp đồng lao động không đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi “thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của ban giám đốc” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2. Chưa thu hồi GPLĐ của 02 NLĐNN đã hết hạn (ông Zheng Feng và bà Huang Danna đã về nước) và nộp lại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 20 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ.

## IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

**V. HẠN CHẾ, BẬT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC**

Không.

**VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Chánh thanh tra Bộ LĐTĐ yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.1 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

2. Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện nghiêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ LĐTĐ, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 15/10/2024./.

*Nơi nhận:*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Sở LĐTĐ tỉnh Gia Lai (để p/h);
- Công TTĐT Bộ LĐTĐ;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTĐ;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Thu Thủy**

